UBND PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TH HÀ NỘI – ĐIỆN BIÊN PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, ngày 2 tháng 6 năm 2026

CÔNG KHAI
ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025 - 2025

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Vị trí việc làm	S.lượng người đang thực hiện	Trình độ đào tạo			Nghề nghiệp			BDTX	
			ThS	ĐH	CĐ	Tốt	Khá	CĐ	HT	CHT
I	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**	**3**		**3**		**3**			**3**	
1	Hiệu trưởng	1		1		1			1	
2	Phó Hiệu trưởng	2		2		2			2	
II	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**	**44**		**44**		**43**	**1**		**44**	
1	Giáo viên tiểu học hạng II	29		29		28	1		29	

2	Giáo viên tiểu học hạng III	15		15		15			15	
III	**Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung**	**3**		**3**						
1	Thư viện	1		1						
2	Quản trị công sở	0								
3	Văn thư	0								
4	Thủ quỹ	0								
5	Kế toán	2		2						
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**4**		**2**						
1	Y tế học đường	1		1						
2	Nhân viên Bảo vệ	2								
3	Nhân viên Phục vụ	1		1						
	Cộng (I+II=III+IV)	**54**		**54**		**46**	**1**	**0**	**47**	

2. Thông tin về CSVC và tài liệu học tập và sử dụng chung

2.1. Diện tích, số phòng, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	30/30	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	30	1,2 m^2/HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	**Số điểm trường lẻ**	0	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	8323,2	7,04 m^2 / HS
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	1500	1,3 m^2 / HS
VI	**Tổng diện tích các phòng**	2918,8	
1	Diện tích phòng học (m^2)	1440	1,2m^2/HS
2	Diện tích thư viện (m^2)	84,5	0,072m^2/HS
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	646	0,5m^2/HS
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	146	0,13m^2/HS
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	146	0,12m^2/HS
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	146	0,12m^2/HS
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	23	0,02m^2/HS
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	23	0,02m^2/HS
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	118,3	0,1m^2/HS

VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	30/30	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30	
1.1	Khối lớp 1	6	1 bộ /lớp
1.2	Khối lớp 2	6	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	6	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ / lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	107	0,09 HS/1bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi thông minh	22	0,7 ti vi /1 lớp
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu projector	18	0,8 máy /1 lớp
5	Máy phô tô	3	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính xách tay	12	
8	Máy chiếu vật thể	38	1,3 máy /1 lớp

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	Nhà bếp	71,9 m^2
XI	Nhà ăn	258,7m^2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0	0	…m^2
XIII	**Khu nội trú**	0	0	

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		20		0,24 m^2/ HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2.2. Danh mục sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục tham khảo lựa chọn

Danh mục Sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020 - 2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày

13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ - UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh. Cụ thể:

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	**Lớp 2**	**Lớp 3**	**Lớp 4**	**Lớp 5**
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
TNXH 1	TNXH 2	TNXH 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở

Mức 1: 24/24 (100%) Tiêu chí đạt Mức 1;

Mức 2: 22/22 (100%) Tiêu chí đạt Mức 2;

Mức 3: 16/16 (100%) Tiêu chí đạt Mức 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: 4/7 Tiêu chí đạt mức 4 (tỷ lệ 57,1%).

3.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục:

Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 và Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3.

Trên đây là nội dung công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục năm học 2025 – 2026 của trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ./.

Nơi nhận:
- Trang website nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Nga